

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

TIÊU TRƯỜNG CÁC TỪ NGỮ CHỈ QUÁ TRÌNH VẬN ĐỘNG CỦA “NƯỚC” TRONG TIẾNG VIỆT

SUB FIELD OF WORDS INDICATING WATER MOVEMENT IN VIETNAMESE

NGUYỄN VĂN THẠO

(ThS-NCS; Học viện Khoa học Xã hội)

Abstract: The article aims to indicate the systems, the semantic field change and the culture dialing the choice of using words indicating *water* movement in Vietnamese. In the semantic field change, the *water* semantic field not only expresses the *water* and other factors of *water* but also changes to express the other fields of human being. This shows the polyvalent in languages.

Key words: semantic field; *water* movement; semantic change; semantic field change.

1. Theo quan niệm của triết học phương Đông thì “nước” là một trong những yếu tố cấu thành nên vạn vật. “Nước” được hiểu như một thực thể tự nhiên nuôi dưỡng sự sống. Chính vì tầm quan trọng của “nước” mà các cộng đồng dân cư trên thế giới đều tập trung và phân bố dọc theo các nguồn “nước”. Từ cơ sở thực tiễn đó mà ngôn ngữ và văn hóa của các tộc người đều gắn liền với các yếu tố có liên quan đến “nước”.

Trong ngôn ngữ học, “nước” tạo thành một trường từ vựng bao hàm nhiều tiểu trường, như: tiểu trường các dạng thức của nước “giọt, dòng, làn...”, tiểu trường các vật thể thiên nhiên chứa nước “ao, hồ, biển, sông...”, tiểu trường các trạng thái của nước “đầy, voi, cạn, sâu, nông...”, tiểu trường các đặc điểm của nước “đục, trong, mát, sạch...”, tiểu trường các hoạt động của con người với nước “khơi, ngăn, chặn, tưới, tắm...” và tiểu trường các quá trình tự vận động của nước “chảy, trôi, đổ, dâng, trào...”.

Các từ ngữ thuộc trường “nước” không chỉ được người Việt sử dụng để nói về “nước” và các yếu tố liên quan đến “nước” mà còn được chuyển trường để diễn tả các mối quan hệ khác trong đời sống cả vật chất lẫn tinh thần của con người, những thứ vốn được người Việt tri nhận có những yếu tố tương đồng với ý nghĩa của các từ ngữ thuộc trường “nước”.

Do khuôn khổ của bài viết nên chúng tôi chỉ khảo sát tiểu trường các quá trình tự vận động của “nước” trong trường “nước”, gồm các từ: chảy, dâng, dậy, dội, gợn, lắng, lụt, lượn, nhỏ, ngấm, ngập, rò, rỏ, rỉ, sa, sủi, tẩn, tuôn, tràn, trào, trút, thấm, vỗ... Phần ngữ liệu, được chúng tôi thu thập từ các nguồn như tiểu thuyết, truyện

ngắn, thành ngữ, tục ngữ, thơ ca... (liệt kê trong phần Nguồn tư liệu trích dẫn). Ngoài ra, chúng tôi còn dựa vào từ điển của Nguyễn Hoàng [II.2], Hoàng Phê [II.4] và của Nguyễn Văn Tu [II.7] để kiểm chứng cũng như có thêm nguồn ngữ liệu cho bài viết.

2. Sau đây là kết quả mà chúng tôi đã thu thập và thống kê, cụ thể:

Bảng 1. Tiêu trường các từ ngữ chỉ các quá trình tự vận động của “nước”

STT	Từ ngữ	Lần XH	Ti lệ %	STT	Từ ngữ	Lần XH	Ti lệ %
1	Chảy	42	168	21	Rời	1	04
2	Cồn	2	08	22	Rò	1	04
3	Cuốn	2	08	23	Ròng	4	16
4	Cuộn	3	12	24	Rỏ	5	2
5	Dâng	1	04	25	Sa	2	08
6	Dậy	2	08	26	Sủi	9	36
7	Dồn	2	08	27	Sủi	3	12
8	Đánh	1	04	28	Tẩn	1	04
9	Động	2	08	29	Thấm	5	2
10	Đổ	5	2	30	Tràn	10	4
11	Gợn	1	04	31	Trào	10	4
12	Lắng	1	04	32	Trút	5	2
13	Lên	8	32	33	Trôi	9	36
14	Loang	2	08	34	Tuôn	7	28
15	Lụt	5	2	35	Vây búa	1	04
16	Lượn	2	08	36	Vỗ	4	16
17	Mưa	71	284	37	Xa	2	08
18	Ngập	6	24	38	Xao	1	04
19	Nhỏ	5	2	39	Xổ	2	08
20	Rỉ	5	2		39	250	100

Theo tư liệu thu thập của chúng tôi, trong tiểu trường các từ ngữ chỉ các quá trình tự vận động của “nước” có 39 từ ngữ với 250 lần xuất hiện. Như mọi sự tồn tại khác, “nước” cũng tồn tại với các dạng vận động riêng.

Sự vận động của “nước” được người Việt tri nhận rõ nhất là “mua” với 28.4%, số liệu này phản ánh đúng hiện thực vận động của “nước” đó là sự vận động bao phủ, vây quanh con người ở một không gian rộng lớn. Bên cạnh đó, là sự vận động được nhìn nhận trực quan nhất mà con người có thể cảm nhận được là “chảy” với 16.8%. Ngoài ra, con người khi tiếp xúc bằng thị giác với “nước” thì các vận động “tràn”, “trào”, “sôi”, “trôi” là những vận động hiển hiện nhất, nên chúng xuất hiện với một tần số khá cao, lần lượt là “tràn” và “trào” cùng chiếm 4%, hai từ còn lại cùng có 3.6%.

3. Hiện tượng chuyển nghĩa và chuyển trường

Do đặc điểm của ngôn ngữ, tư duy và văn hóa mà các từ ngữ thuộc tiểu trường chỉ sự tự vận động của “nước” được chuyển nghĩa nhằm diễn đạt các ý nghĩa khác của tự nhiên và đời sống xã hội. Tuy nhiên, sự chuyển nghĩa, chuyển trường không phải mang tính đơn lẻ từng từ ngữ mà có tính hệ thống, mang tính đồng loạt ở tất cả các từ ngữ trong tiểu trường.

Theo tư liệu của chúng tôi, các từ ngữ thuộc tiểu trường tự vận động của “nước” có thể chuyển nghĩa để biểu thị các ý nghĩa sau:

3.1. Chuyển sang trường nghĩa con người

Con người được nhìn nhận có những dáng vẻ bên ngoài, những diễn biến tâm lí bên trong giống như sự vận động của “nước”. Chính vì thế mà từ ngữ thuộc tiểu trường các từ ngữ chỉ sự tự vận động của “nước” được chuyển nghĩa để diễn tả các vận động và trạng thái bên ngoài cũng như tâm lí bên trong của con người. Hơn nữa, cả cuộc đời của con người cũng có những vận động giống với quá trình vận động của “nước”.

- Thứ nhất, diễn tả những vận động, trạng thái của cuộc đời con người

Cuộc đời con người được nhìn nhận như một dòng nước chảy có nhiều giai đoạn khác nhau (Sông có khúc, người có lúc, **dòng** đời, cuộc đời **lênh đênh**, đời **trôi chảy**...). Cuộc đời được ví như dòng trôi của “nước”: tự cuốn đi và kết thúc một cách tự nhiên, êm ả theo thời gian “Hai đứa bơi sóng đời mỗi lúc một xa bờ... khúc sông đời thanh lặng, êm ả cuối cùng nhanh chóng **trôi** xa” [2]. Cũng chỉ cuộc đời như dòng trôi nhưng cuộc đời lại không êm ả mà có lúc gập ghềnh, chông chênh “Và, bây giờ trên **dòng trôi** không ngừng uốn lượn và gập khúc của cuộc đời, Kiên thấy lan tới chỗ mồm bờ

sông anh đang đứng làn nước mang rõ rệt hình bóng của cái thời hiện tại, cái ngày hôm nay” [2]. Cuộc đời con người từ khi sinh ra đến lúc kết thúc sự sống được ví như dòng trôi của nước nên con người có thể trôi theo và cũng có thể vượt ra khỏi cái dòng trôi đó “Có lẽ nhờ tiếng gọi ấy mà Kiên không chết, đã dứt ra khỏi **dòng trôi** của sự chết” [2].

- Thứ hai, diễn tả âm thanh, giọng nói, dáng vẻ, trạng thái bên ngoài của con người

Hình dáng, trạng thái bên ngoài của con người cũng được diễn tả giống như dáng vẻ, trạng thái, đặc điểm của nước (tóc **chảy** dài, gương mặt **chảy** thướt, tiếng hát **dâng** lên, **trút** hơi thở dài, nhìn **xoáy**,...). Dáng vẻ, trạng thái của bộ tóc thiếu nữ cũng như gương mặt được diễn tả như trạng thái vận động của dòng nước “Cùng với thời gian, dù tóc tôi đã **chảy** dài ngang lưng, tôi vẫn cứ là một con bé nghịch ngợm” [4], và “Giờ chỉ có gương mặt con gái tôi – già như bà cụ non, **chảy thướt**, nước mắt rom róm vòng quanh” [4]. Bên cạnh đó, giọng nói, tiếng hát hay hơi thở của con người cũng được nhìn nhận như có đặc điểm, trạng thái vận động giống như của “nước” “Khi bóng tối vùi kín rừng cây trong hẻm núi thì từ đáy rừng phủ lá mục tiếng hát thì ào **dâng** lên, có cả tiếng đàn ghi-ta hòa theo nữa hoàn toàn hư, hoàn toàn thực”, “Vâng, - Phương đáp, **trút** một hơi thở dài, nắm lấy bàn tay Kiên, uốn mình đứng lên” [2], và “Trai phò có, sinh viên trong trường có, khác trường có. Hoa cùng những lời mỹ miều có cánh như suối **tuôn chảy**” [4].

- Thứ ba, Không chỉ diễn tả các dáng vẻ, trạng thái bên ngoài mà từ ngữ thuộc tiểu trường chỉ sự tự vận động của “nước” còn diễn tả các trạng thái tâm lí, tình cảm bên trong của con người. Trạng thái tâm lí, tình cảm bên trong có nhiều cung bậc và khía cạnh khác nhau như: diễn tả trạng thái u mê, thất vọng trong tinh thần “Cái thời mà toàn bộ con người anh nhân tính và nhân dạng, còn chưa bị bạo lực tàn bạo của chiến tranh hủy hoại, cái thời anh cũng **ngập** lòng ham muốn, cũng biết say sưa, si mê, cũng trải những cơn bồng bột” [2]. Hay trạng thái thất vọng “Và đôi khi giữa đêm, lòng **trần** tuyệt vọng anh nấc lên, nước mắt giàn giụa, phải thúc mặt vào gối cho đến khi ngạt thở...” [2]. Cũng diễn tả trạng thái tâm lí, tình cảm nhưng ở một khía cạnh khác là diễn tả các trạng thái tình cảm, tình yêu của đời

lúa ở các cung bậc khác nhau. Sự ghen tuông, giận dữ trong tình yêu được diễn tả như dòng nước đang dâng trào “Nhìn họ sáng sáng chờ nhau đi, Uyên cố chân áp tình cảm ghen tuông cứ **trào** lên ngang cổ” [4], hay “Cái Tý bỗng cảm thấy một nỗi hờn ghen **dâng** đầy.” [4]. Cũng là tình cảm, tình yêu nhưng là một niềm hạnh phúc lớn lao mà người chồng đã đem đến cho người vợ yêu thương của mình như một con thủy triều trào lên “Vợ ông ngỡ ngàng, sung sướng đón nhận **con thủy triều** yêu thương **trào dẫy** nơi ông” [4].

- Thứ tư, Quá trình suy nghĩ của con người được diễn tả như dòng nước vận động “Phải rồi. Kiên nghĩ. Mình, chính mình, sau từng ấy năm trời đã trở nên hoàn toàn sa đọa, đã trở nên thác loạn, đã **ngập chìm** trong túi nhục, oán hờn và lú lẫn” [2] hay “Những liên tưởng cứ **tuôn trào** không ngừng”. Trạng thái vận động của sự việc trong tâm lý hay các dòng ý nghĩ trong trí não được diễn tả như sự vận động của “nước” trong không - thời gian “Dằng dặc **trôi** qua hồi ức của Kiên vô vàn những hồn ma thân thiết” [2] và “Ông ngoảnh lại với ký ức, miên man **trôi** theo dòng thời gian ngược” [4] hay “Cho đến lúc trong miệng cảm nhận cái vị uơn uớt ngọt ngào của Phương **thấm** truyền sang...” [2].

Ngoài ra, còn phải kể đến một số kiểu chuyển trường diễn tả các đặc điểm, trạng thái khác của đời sống như nói đến tiền tài (cạn tiền/ cạn nguồn thu), nói đến sức khỏe (cạn sức), sự khuyên nhủ (cạn lời), thậm chí cả đến trí não (trí tuệ cạn kiệt), nói đến tính cách (Lười chầy thây), sự học hành (thuộc như cháo chầy hay sôi kinh, nấu sữ). Hoạt động sinh nở cũng được ví như hoạt động chiến thắng hay thành công (vượt cạn).v.v.

3.2. Chuyển sang trường nghĩa chiến tranh

Trong chiến tranh, những bước tiến công, tiếng súng, bom, đạn, bầu không khí trong chiến tranh và hệ quả thảm khốc của nó được diễn tả như sự vận động của “nước”. Một cách khẩn trương, mạnh mẽ, dồn dập và khốc liệt. Đôi khi là âm thầm nhưng đầy mạnh mẽ, đã làm cho bức tranh về các cuộc chiến càng hiện diện gay gắt hơn (**mưa** bom, **trút** bom, căng thẳng **dâng** cao, máy bay **tràn** vào, bụng rách **trào** ruột, sóng **trào** chen lấn, **sôi** réo nhiệt tình yêu nước,...). Trước và trong khi cuộc chiến xảy ra thì bầu không khí căng thẳng giữa các bên là không tránh khỏi “Khi căng thẳng **dâng** cao,

Bình Nhưỡng từng đe dọa tấn công hạt nhân phủ đầu vào Mĩ và Hàn Quốc” (*vnexpress-TG*, 15.5.2013). Tình thần yêu nước, bảo vệ tổ quốc cũng được diễn tả như trạng thái sôi sục của “nước”. “Áy vầy mà chính lúc bấy giờ, trong mùa xuân đầy, đầu đầu cũng **sôi** sục bầu không khí hùng hục chủ nghĩa anh hùng và nhiệt tình ái quốc” [2]. Trong cuộc chiến, sự tiến công có thể bằng bộ binh, thủy binh hay không lực,... nhằm tạo ra sức mạnh trên mặt trận. Sức mạnh đó, được người Việt dùng các từ chỉ vận động của “nước” để diễn tả “Lại một đợt máy bay nữa **tràn** vào. Kiên run lên, anh gào to” [2] hay “Hồi bọn tớ **tràn** qua Xuân Lộc đuổi đánh bọn lính sư đoàn 18, ở các rãnh xích đầy những thịt với tóc” [2]. Bom đạn, súng đạn dùng trong chiến trận được diễn tả có các vận động như “nước”. “Bom thì vẫn đang **trút** xuống khu vực đó” [2]. Bầu không khí trong trận chiến hỗn loạn “Và dù biết rõ cả tàu thậm chí cả toa, liệu có nhìn thấy nổi một ngón tay của Phương không trong sóng **trào** chen lấn này” [2].

3.3. Chuyển sang trường nghĩa thời gian

Thời gian được diễn tả như có các đặc điểm hay trạng thái vận động của “nước” (một năm **trôi** qua, thời gian **trôi**, thời khắc **trôi** qua, thời gian **ngung động**,...). Ví dụ: “Thấm thoát thời gian thoi đưa, từ ngày cái Tý biết người đàn ông nọ đã một năm **trôi** qua” [4], “Thời gian của những kẻ yêu nhau sao mà **trôi** nhanh” [4] và “Thời khắc **trôi** qua đến nghệt thở” [4]. Không chỉ có trạng thái vận động mà thời gian cũng có khi ngưng đọng lại như sự ngưng đọng của “nước”. “Có thể đọc thấy không biết bao nhiêu trang ám bụi mang nặng âm bóng của thời gian **ngung động**, mờ mờ, tỏ tỏ, tranh tối tranh sáng, lẫn lộn các thời đại” [2].

3.4. Chuyển sang trường nghĩa hiện tượng khí tượng

Hiện tượng khí tượng cũng được người Việt nhìn nhận có các vận động giống như các vận động của “nước”, (gió bắc **tràn** về, Suong mù **dâng** cuộn cuộn, không khí **tù đọng**, **mưa** thuận gió hòa,...). Hiện tượng gió và sương cũng có các vận động như “nước” “Vào lúc rạng mai gió bắc **tràn** về bung màn cửa sổ. Bụi xám mưa phùn thổi vào buồng” [2]. “Suong mù **dâng** cuộn cuộn và muỗi đàn đàn bu tới” [2]. Bầu không khí vận động như dòng chảy của “nước” “Không khí ảm đạm lại, quán ướt, từ từ lùa những ngón tay dài ngoằng lạnh toát vào bên trong bọc võng. **Chảy** rào rào buồn buồn,

miên man như là dòng thời gian trôi thành tiếng, nghe nửa tỉnh nửa mơ” [2]. Thậm chí có khi ngưng đọng lại như trạng thái của “nước” “Còn Kiên, theo như cách anh tự biểu tượng, vẫn đang hằng đêm hóa thân thành ngọn nến leo lét cháy lên trong bầu không khí **tù đọng**, trong cảm giác ngột ngạt và trong những buồn đau say khướt không tài nào ai hiểu nổi của anh” [2]. Ngay cả ánh sáng cũng được diễn tả bằng các từ vận động của “nước”, “Nói là nhà, chứ thật ra nó chỉ gấp đôi căn phòng **trần** ánh sáng của tôi trong ngôi nhà hình hộp kiên cố ngày xưa” [4].

3.5. Chuyển sang trường nghĩa vật thể

Các vật thể được nhìn nhận có những vận động như “nước”. Do đó, người ta có thể dùng các từ chỉ vận động của “nước” để thể hiện vận động của vật thể (ngọn cây **dâng** lên, **gọn** hàng rặng cửa li ti, con tốt bị **lụt**, nền đang **chảy**...). Dùng từ ngữ thuộc trường “nước” để diễn tả các vận động của thực vật “Bông hồng ma nom tủa tựa tầm xuân nhưng nhỏ hơn, nở dày hơn, cây hoa thường mọc **trần** sát các mép suối” [2]. “Cây bằng lăng trước nhà **dâng** cao lên quá cửa sổ buồng anh, cành lá ướt nhóng nhánh xòe che các ô kính” [2] hay “Tôi nhớ từng bông hoa, đếm từng cái nụ, mê từ cái lá xanh sẫm, bóng mờ, **gọn** hàng rặng cửa li ti” [4]. Nói đến thể trận trong chơi cờ “Bàn cờ chỉ còn mỗi con tốt bị **lụt** mà hai đứa chúng nó ngồi đánh mãi” [kn]. Nói đến sự vật, hiện tượng khác như “Đường ray **ngập** dần trong cỏ và rác, **chậm chậm trôi** qua những vùng tẻ ngắt và bụi bặm của ngoại ô” [2] và “Kiên hay lang thang dưới những hàng cây bụi lá khảm khiu, ngắm những bông tuyết bám lông lánh như những giọt nền đang **chảy**” [4].

Các từ ngữ trong tiểu trường chỉ sự tự vận động của “nước” đã chuyển trường được chúng tôi thống kê và phân lập trên cơ sở các từ ngữ trung tâm của tiểu trường, cụ thể xin xem thêm ở bảng 2 dưới đây.

Bảng 2. Tỷ lệ chuyển trường của các từ ngữ trung tâm của tiểu trường

STT	Từ ngữ	Lần XH	Tỷ lệ (%)	STT	Từ ngữ	Lần XH	Tỷ lệ (%)
1	Chảy	14	8,59	12	Rời	2	1,23
2	Cón	0	0	13	Ròng	0	0
3	Cuốn	6	3,68	14	Ró	0	0
4	Dâng	16	9,82	15	Sa	3	1,84
5	Gọn	2	1,23	16	Sôi	20	12,27
6	Lụt	1	0,61	17	Sủ	1	0,61

7	Mưa	18	11,04	18	Thâm	3	1,84
8	Ngập	14	8,59	19	Trần	35	21,47
9	Nhỏ	0	0	20	Trào	11	6,75
10	Rì	6	3,68	21	Trút	10	6,13
11	Rò	1	0,61	Cộng	21	163	100

Như vậy, trong tiểu trường các từ ngữ chỉ các quá trình tự vận động của “nước”, các từ chuyển trường có tỉ lệ cao là “trần”, “sôi” lần lượt chiếm 21,47%, 12,27, sau đó là “mưa”, “dâng”, “chảy”, “ngập”, “trào”, “trút”, “cuốn”, “rì”,...

4. Qua phân trình bày ở trên, chúng tôi thấy rằng, các từ chỉ sự tự vận động của “nước” ngoài trường hợp được dùng với nghĩa gốc thì hầu hết được người Việt sử dụng với nét nghĩa mới trong những ngữ cảnh khác nhau, tạo ra hiện tượng chuyển nghĩa và chuyển trường. Hiện tượng này là phổ biến trong các từ chỉ sự tự vận động của “nước”, khi các từ này xuất hiện trong ngữ cảnh với nghĩa mới nhưng chúng vẫn giữ được một sắc thái nghĩa nào đó của nghĩa gốc. Điều đó đã làm cho các từ ngữ thêm phong phú về nội dung biểu đạt và thể hiện được cách tri nhận sự việc của người Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu, *Cơ sở ngữ nghĩa học từ vựng*, Nxb Giáo dục, H, 1998.
2. Nguyễn Hoàng, *Từ điển đồng nghĩa - trái nghĩa tiếng Việt*, Nxb VH-TT, 2011.
3. Đỗ Việt Hùng, *Một số khía cạnh ứng dụng trường nghĩa trong hoạt động giao tiếp*, tạp chí NN 3, 2010.
4. Hoàng Phê (2011), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
5. Bùi Minh Toán (1999), *Từ trong hoạt động giao tiếp tiếng Việt*, Nxb GD.
6. Bùi Minh Toán (2012), *Lửa trong Truyện Kiều*, tạp chí TĐH & BKT, 3.
7. Nguyễn Văn Tu (2008), *Từ điển từ đồng nghĩa tiếng Việt*, NXB-VH.
8. Nguyễn Đức Tồn (2008), *Đặc trưng văn hóa - Dân tộc của ngôn ngữ và tư duy*, Nxb KHXH.

NGUỒN TƯ LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bảo Ninh (2005), *Tiểu thuyết thân phận của tình yêu*, Nxb. Hội nhà văn.
2. *Thơ tình Xuân Diệu tuyển chọn*, Nxb Thanh Niên, 2008.
3. *Truyện ngắn 5 cây bút nữ*, Nxb, Hội nhà văn, 2004.